

Hà Nội, ngày tháng 02 năm 2026

**BẢN SO SÁNH, THUYẾT MINH DỰ THẢO THÔNG TƯ VỀ QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM,
HÀNG HÓA VẬT LIỆU XÂY DỰNG**

Thông tư số 10/2024/TT-BXD ngày 01/11/2024	Dự thảo Thông tư	Thuyết minh
<p><i>Căn cứ Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa số 05/2007/QH12 ngày 21 tháng 11 năm 2007;</i></p> <p><i>Căn cứ Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật số 68/2006/QH11 ngày 29 tháng 6 năm 2006;</i></p> <p><i>Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 03/2016/QH14, Luật số 35/2018/QH14, Luật số 40/2019/QH14 và Luật số 62/2020/QH14;</i></p> <p><i>Căn cứ Nghị định số 52/2022/NĐ-CP ngày 08 tháng 8 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Xây dựng;</i></p> <p><i>Căn cứ Nghị định số 09/2021/NĐ-CP ngày 09 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ về quản lý vật liệu xây dựng;</i></p> <p><i>Căn cứ Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa và được sửa đổi, bổ sung tại Nghị</i></p>	<p><i>Căn cứ Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa số 05/2007/QH12 ngày 21 tháng 11 năm 2007;</i></p> <p><i>Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa số 78/2025/QH15 ngày 18 tháng 6 năm 2025;</i></p> <p><i>Căn cứ Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật số 68/2006/QH11 ngày 29 tháng 6 năm 2006;</i></p> <p><i>Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật số 70/2025/QH15 ngày 14 tháng 6 năm 2025;</i></p> <p><i>Căn cứ Luật Xây dựng số 135/2025/QH15 ngày 10 tháng 12 năm 2025;</i></p> <p><i>Căn cứ Nghị định số 33/2025/NĐ-CP ngày 08 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Xây dựng;</i></p> <p><i>Căn cứ Nghị định số 37/2026/NĐ-CP ngày 23 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành</i></p>	<p>Sửa đổi, bổ sung văn bản quy phạm pháp luật mới để phù hợp với quy định hiện hành</p>

<p><i>định số 74/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ và Nghị định số 13/2022/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008;</i></p> <p><i>Căn cứ Nghị định số 107/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định điều kiện kinh doanh dịch vụ đánh giá sự phù hợp;</i></p> <p><i>Căn cứ Nghị định số 154/2018/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ và một số quy định về kiểm tra chuyên ngành;</i></p> <p><i>Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Vật liệu xây dựng,</i></p> <p><i>Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành Thông tư quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng.</i></p>	<p><i>một số điều Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa.</i></p> <p><i>Căn cứ Nghị định số 22/2026/NĐ-CP ngày 16 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật;</i></p> <p><i>Theo đề nghị của Vụ trưởng Khoa học công nghệ môi trường và Vật liệu xây dựng,</i></p> <p><i>Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành Thông tư quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng.</i></p>	
<p style="text-align: center;">Chương I QUY ĐỊNH CHUNG</p>	<p style="text-align: center;">Chương I QUY ĐỊNH CHUNG</p>	
<p>Điều 1. Phạm vi điều chỉnh</p> <p>Thông tư này quy định về quản lý chất lượng đối với sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng.</p>	<p>Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng</p> <p>1. Thông tư này quy định về quản lý chất lượng đối với sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng trong hoạt động sản xuất, xuất khẩu, nhập khẩu, lưu thông trên thị trường và sử dụng</p>	<p>Khoản 1: Bổ sung làm rõ lĩnh vực điều chỉnh, phạm vi ranh giới giữa quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hóa và quản lý chuyên ngành khác</p>

<p>Điều 2. Đối tượng áp dụng</p> <p>1. Các cơ quan quản lý nhà nước về vật liệu xây dựng.</p> <p>2. Các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh, nhập khẩu, xuất khẩu và sử dụng sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng.</p> <p>3. Các tổ chức đánh giá sự phù hợp (tổ chức chứng nhận, tổ chức thử nghiệm, tổ chức kiểm định và tổ chức giám định) và tổ chức giám định tư pháp về chất lượng sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng.</p>	<p><i>trong công trình xây dựng theo cơ chế quản lý rủi ro và các quy định của pháp luật có liên quan.</i></p> <p>2. Đối tượng áp dụng bao gồm:</p> <p>a) Các cơ quan quản lý nhà nước về vật liệu xây dựng;</p> <p>b) Các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh, xuất khẩu, nhập khẩu và sử dụng sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng;</p> <p>c) Các tổ chức đánh giá sự phù hợp (tổ chức chứng nhận, tổ chức thử nghiệm, tổ chức kiểm định, tổ chức giám định) và tổ chức giám định tư pháp về chất lượng sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng.</p>	<p>Khoản 2: Giữ nguyên (chuyên Điều 2 thành khoản 2)</p>
<p>Điều 3. Sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng</p> <p>1. Các nhóm sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng được quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này.</p> <p>2. Sản phẩm hàng hóa vật liệu xây dựng có khả năng gây mất an toàn là sản phẩm, hàng hoá vật liệu xây dựng trong điều kiện vận chuyển, lưu giữ, bảo quản, sử dụng hợp lý và đúng mục đích, vẫn tiềm ẩn khả năng gây hại cho người, động vật, thực vật, tài sản, môi trường (sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng nhóm 2) thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Xây dựng được quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này.</p> <p>3. Sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng không có khả năng gây mất an toàn là sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng trong điều kiện vận chuyển,</p>	<p>Điều 2. Sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng và phân loại rủi ro</p> <p>1. Các nhóm sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng được quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này.</p> <p><i>2. Phân loại sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng theo rủi ro:</i></p> <p><i>Các sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng được phân loại theo ba mức độ rủi ro:</i></p> <p><i>a) Nhóm rủi ro cao: sản phẩm, hàng hóa có mức độ rủi ro nguy hại lớn và khả năng xảy ra rủi ro cao, có thể gây hậu quả nghiêm trọng hoặc đặc biệt nghiêm trọng nếu không có biện pháp quản lý phù hợp;</i></p>	<p>Sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với quy định mới của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa năm 2025 như phân loại sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng theo ba mức độ rủi ro; đồng thời, Danh mục sản phẩm, hàng hóa nhóm 2 cần được rà soát, cập nhật phù hợp với thực tiễn thị trường và hệ thống mã hàng hóa hiện hành. Bên cạnh đó, bổ sung quy định cụ thể trách nhiệm của cơ quan quản lý nhà nước để thống nhất trong việc triển khai tổ chức thực hiện.</p>

lưu giữ, bảo quản, sử dụng hợp lý và đúng mục đích, không gây hại cho người, động vật, thực vật, tài sản, môi trường (sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng nhóm 1).

4. Đối với hàng hóa vật liệu xây dựng xuất khẩu, nhập khẩu chưa được liệt kê và xác định mã HS hoặc có sự khác biệt, không thống nhất trong việc phân loại và xác định mã HS, việc xác định mã HS thực hiện theo quy định của pháp luật về hải quan. Sau khi thông quan, các tổ chức, cá nhân xuất khẩu, nhập khẩu gửi văn bản về Bộ Xây dựng để làm cơ sở phối hợp với Bộ Tài chính xem xét thống nhất, cập nhật, bổ sung vào danh mục mã HS.

b) Nhóm rủi ro trung bình: sản phẩm, hàng hóa có mức độ rủi ro nguy hại hoặc khả năng xảy ra rủi ro ở mức trung bình, có thể gây ảnh hưởng đáng kể nếu không có biện pháp quản lý phù hợp;

c) Nhóm rủi ro thấp: sản phẩm, hàng hóa có mức độ rủi ro nguy hại nhỏ hoặc khả năng xảy ra rủi ro thấp, hầu như không gây ảnh hưởng đáng kể trong điều kiện kiểm soát hoặc sử dụng thông thường;

3. Danh mục sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng thuộc nhóm rủi ro trung bình, rủi ro cao kèm theo mã HS được quy định tại Phụ lục II, Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư này.

4. Bộ Xây dựng chủ trì, phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Tài chính và các cơ quan liên quan định kỳ rà soát, cập nhật danh mục sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng theo mức độ rủi ro để bảo đảm phù hợp với yêu cầu quản lý trong từng thời kỳ.

5. Đối với hàng hóa vật liệu xây dựng xuất khẩu, nhập khẩu chưa được liệt kê và xác định mã HS hoặc có sự khác biệt, không thống nhất trong việc phân loại và xác định mã HS, việc xác định mã HS thực hiện theo quy định của pháp luật về hải quan. Sau khi thông quan, các tổ chức, cá nhân xuất khẩu, nhập khẩu gửi văn bản về Bộ Xây dựng để làm cơ sở phối hợp với Bộ Tài chính xem xét thống nhất, cập nhật, bổ sung vào danh mục mã HS.

<p>Điều 4. Ghi nhãn hàng hóa vật liệu xây dựng</p> <p>1. Việc ghi nhãn hàng hóa vật liệu xây dựng thực hiện theo quy định tại Nghị định số 43/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ về nhãn hàng hóa; Nghị định số 111/2021/NĐ-CP ngày 09 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 43/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ về nhãn hàng hóa và Thông tư số 18/2022/TT-BKHHCN của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chi tiết một số nội dung bắt buộc thể hiện trên nhãn hàng hóa của một số nhóm hàng hóa bằng phương thức điện tử.</p> <p>2. Trường hợp nội dung ghi nhãn hàng hoá vật liệu xây dựng được quy định riêng tại các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia và các văn bản quy phạm pháp luật, ngoài việc tuân thủ theo quy định tại khoản 1 Điều này, các hàng hóa vật liệu xây dựng phải được thực hiện việc ghi nhãn đầy đủ theo quy định tại các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia và các văn bản quy phạm pháp luật tương ứng.</p>	<p>Điều 3. Ghi nhãn hàng hóa vật liệu xây dựng</p> <p>1. Việc ghi nhãn hàng hóa, sử dụng nhãn điện tử và cung cấp thông tin về sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng thực hiện theo quy định tại Nghị định số 37/2026/NĐ-CP và pháp luật có liên quan.</p> <p><i>2. Khuyến khích tổ chức, cá nhân áp dụng mã số, mã vạch, mã QR, RFID và các giải pháp công nghệ số khác để phục vụ truy xuất nguồn gốc và quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hóa.</i></p> <p>3. Trường hợp quy chuẩn kỹ thuật quốc gia có quy định riêng về nội dung nhãn, thông tin bắt buộc thì thực hiện theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia tương ứng.</p>	<p>Sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với quy định mới của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa năm 2025.</p>
	<p>Chương II QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG TRONG SẢN XUẤT, XUẤT KHẨU, NHẬP KHẨU, LƯU THÔNG VÀ SỬ DỤNG</p>	<p>Cơ cấu lại Chương II để đảm bảo tính logic của văn bản.</p>
<p>Điều 5. Yêu cầu chung về quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng</p>	<p>Điều 4. Yêu cầu chung về quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng</p>	

1. Sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng phải đảm bảo chất lượng theo quy định tại khoản 1 Điều 7 và Điều 10 Chương III Nghị định số 09/2021/NĐ-CP ngày 09 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ về quản lý vật liệu xây dựng; công bố tiêu chuẩn áp dụng theo quy định của pháp luật về chất lượng sản phẩm, hàng hóa; thực hiện quy định về truy xuất nguồn gốc theo Thông tư số 02/2024/TT-BKHCN ngày 28 tháng 3 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về quản lý truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa.

2. Đối với sản phẩm, hàng hoá vật liệu xây dựng nhóm 1:

a) Áp dụng hệ thống quản lý chất lượng nhằm đảm bảo chất lượng sản phẩm phù hợp với tiêu chuẩn kỹ thuật tương ứng và ghi nhãn theo quy định tại Điều 4 Thông tư này trước khi đưa sản phẩm ra lưu thông trên thị trường.

b) Tự nguyện công bố sản phẩm, hàng hóa phù hợp tiêu chuẩn tương ứng. Việc công bố hợp chuẩn thực hiện theo hướng dẫn tại Chương II Thông tư số 28/2012/TT-BKHCN ngày 12 tháng 12 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về công bố hợp chuẩn, công bố hợp quy và phương thức đánh giá sự phù hợp với tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, Thông tư số 02/2017/TT-BKHCN ngày 31 tháng 3 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ sửa

1. Sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng phải bảo đảm chất lượng theo quy định của pháp luật về quản lý vật liệu xây dựng; công bố tiêu chuẩn áp dụng theo quy định của pháp luật về chất lượng sản phẩm, hàng hóa; thực hiện truy xuất nguồn gốc theo quy định của pháp luật.

2. Đối với sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng ***có mức độ rủi ro thấp:***

a) Áp dụng hệ thống quản lý chất lượng nhằm bảo đảm chất lượng sản phẩm phù hợp với tiêu chuẩn kỹ thuật tương ứng và ghi nhãn theo quy định tại Điều 3 Thông tư này trước khi đưa sản phẩm ra lưu thông trên thị trường.

b) Tự nguyện công bố sản phẩm, hàng hóa phù hợp tiêu chuẩn tương ứng. Việc công bố hợp chuẩn thực hiện theo quy định của pháp luật về công bố hợp chuẩn và hướng dẫn của Bộ Khoa học và Công nghệ và Điều 10 của Thông tư này.

3. Đối với sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng ***có mức độ rủi ro trung bình và rủi ro cao:***

a) Áp dụng hệ thống quản lý chất lượng nhằm bảo đảm chất lượng sản phẩm phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật tương ứng và ghi nhãn theo quy định tại Điều 3 Thông tư này trước khi đưa sản phẩm ra lưu thông trên thị trường.

b) Bắt buộc công bố sản phẩm, hàng hóa phù hợp quy chuẩn kỹ thuật tương ứng. Việc công bố hợp quy thực hiện theo quy định của pháp luật về công bố hợp quy và hướng dẫn của Bộ

Sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với quy định mới của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa năm 2025.

<p>đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 28/2012/TT-BKHCN và Điều 11 Thông tư này.</p> <p>3. Đối với sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng nhóm 2:</p> <p>a) Áp dụng hệ thống quản lý chất lượng nhằm đảm bảo chất lượng sản phẩm phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật tương ứng và ghi nhãn theo quy định tại Điều 4 Thông tư này trước khi đưa sản phẩm ra lưu thông trên thị trường.</p> <p>b) Bắt buộc công bố sản phẩm, hàng hóa phù hợp quy chuẩn kỹ thuật tương ứng. Việc công bố hợp quy được thực hiện theo hướng dẫn tại Chương II Thông tư số 28/2012/TT-BKHCN, Thông tư số 02/2017/TT-BKHCN và Điều 12 Thông tư này.</p>	<p>Khoa học và Công nghệ và Điều 11 của Thông tư này.</p>	
<p>Chương II QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM, HÀNG HÓA VẬT LIỆU XÂY DỰNG</p>		
<p>Điều 6. Quản lý chất lượng sản phẩm vật liệu xây dựng trong sản xuất</p> <p>1. Việc quản lý chất lượng sản phẩm vật liệu xây dựng trong sản xuất thực hiện theo quy định tại Mục 2 Chương III Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa và Mục 1 Chương II Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa và khoản 2 Điều 10 Chương III Nghị định số 09/2021/NĐ-CP.</p>	<p>Điều 5. Quản lý chất lượng sản phẩm vật liệu xây dựng trong sản xuất</p> <p>1. Việc quản lý chất lượng sản phẩm vật liệu xây dựng trong sản xuất thực hiện theo quy định của pháp luật về chất lượng sản phẩm hàng hóa.</p> <p>2. Cơ sở sản xuất vật liệu xây dựng có trách nhiệm sau đây:</p> <p><i>a) Bảo đảm chất lượng sản phẩm trong sản xuất trước khi đưa ra thị trường trong nước theo quy định tại Điều 66 của Nghị định số</i></p>	<p>Sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với quy định mới của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa năm 2025, đặc biệt là trách nhiệm về chất lượng sản phẩm của các cơ sở sản xuất vật liệu xây dựng.</p>

<p>2. Cơ sở sản xuất vật liệu xây dựng phải đảm bảo đầy đủ năng lực trang thiết bị, nhân lực kỹ thuật và chất lượng, nguồn nguyên liệu theo các quy định pháp luật.</p>	<p><i>37/2026/NĐ-CP ngày 23/01/2026 của Chính phủ.</i></p> <p><i>b) Xây dựng, áp dụng và duy trì hệ thống quản lý chất lượng phù hợp với loại hình sản phẩm, quy mô sản xuất và yêu cầu của tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật áp dụng.</i></p> <p><i>c) Thực hiện kiểm soát chất lượng nguyên liệu đầu vào, bán thành phẩm, thành phẩm; lưu trữ đầy đủ hồ sơ kỹ thuật, hồ sơ kiểm soát chất lượng và hồ sơ truy xuất nguồn gốc theo quy định.</i></p> <p><i>d) Chịu trách nhiệm trước pháp luật về chất lượng sản phẩm, hàng hóa do mình sản xuất.</i></p>	
<p>Điều 7. Quản lý chất lượng hàng hoá vật liệu xây dựng xuất khẩu</p> <p>Việc quản lý chất lượng hàng hoá vật liệu xây dựng xuất khẩu thực hiện theo quy định tại Mục 3 Chương III Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa và Mục 3 Chương II Nghị định số 132/2008/NĐ-CP và các quy định của nước nhập khẩu.</p>	<p>Điều 6. Quản lý chất lượng hàng hóa vật liệu xây dựng xuất khẩu</p> <p><i>1. Hàng hóa vật liệu xây dựng xuất khẩu phải đáp ứng yêu cầu về chất lượng theo quy định của pháp luật Việt Nam và yêu cầu của thị trường nhập khẩu.</i></p> <p><i>2. Khuyến khích áp dụng các tiêu chuẩn quốc tế, tiêu chuẩn khu vực nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh của sản phẩm vật liệu xây dựng Việt Nam.</i></p>	<p>Sửa đổi, bổ sung làm rõ đối với công tác quản lý chất lượng hàng hóa vật liệu xây dựng xuất khẩu.</p>
<p>Điều 8. Quản lý chất lượng hàng hoá vật liệu xây dựng nhập khẩu</p> <p>1. Việc quản lý chất lượng hàng hoá vật liệu xây dựng nhập khẩu thực hiện theo quy định tại Mục</p>	<p>Điều 7. Quản lý chất lượng hàng hóa vật liệu xây dựng nhập khẩu</p> <p>1. Việc quản lý chất lượng hàng hóa vật liệu xây dựng nhập khẩu thực hiện theo quy định của</p>	<p>Sửa đổi, bổ sung theo hướng phù hợp với quy định mới của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa năm 2025.</p>

4 Chương III Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa và Mục 2 Chương II Nghị định số 132/2008/NĐ-CP và được sửa đổi, bổ sung tại khoản 3 Điều 1 Nghị định số 74/2018/NĐ-CP và khoản 3 Điều 10 Chương III Nghị định số 09/2021/NĐ-CP.

2. Đối với hàng hóa vật liệu xây dựng nhóm 2, người nhập khẩu phải thực hiện:

a) Đăng ký kiểm tra nhà nước về chất lượng hàng hóa vật liệu xây dựng nhập khẩu tại Sở Xây dựng một trong các địa phương (Cơ quan kiểm tra chất lượng sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng, sau đây gọi tắt là Cơ quan kiểm tra):

- Nơi doanh nghiệp đăng ký kinh doanh (hoặc nơi đặt văn phòng đại diện, chi nhánh, nhà máy sản xuất);

- Nơi có cửa khẩu được doanh nghiệp nhập khẩu hàng hóa;

- Nơi doanh nghiệp làm thủ tục hải quan đối với lô hàng hóa.

b) Khi đăng ký kiểm tra nhà nước, phải xác định tên Tổ chức chứng nhận hợp quy, tên Tổ chức thử nghiệm thực hiện việc thử nghiệm, đánh giá chứng nhận chất lượng hàng hóa nhập khẩu trên Bản đăng ký theo Mẫu số 01-Nghị định số 74/2018/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo khoản 9 Điều 4 của Nghị định số 154/2018/NĐ-CP và các tài liệu sau: Bản sao Hợp đồng, Danh mục hàng hóa (nếu có); bản sao (có xác nhận của người nhập khẩu) vận đơn, hóa đơn, tờ khai hàng

pháp luật về chất lượng sản phẩm, hàng hóa và pháp luật có liên quan. Đối với hàng hóa vật liệu xây dựng có mức độ rủi ro cao, người nhập khẩu phải thực hiện:

a) Thực hiện đăng ký kiểm tra nhà nước về chất lượng hàng hóa vật liệu xây dựng nhập khẩu theo quy định của pháp luật trên Cổng thông tin một cửa quốc gia hoặc tại Sở Xây dựng một trong các địa phương (Cơ quan kiểm tra chất lượng sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng, sau đây gọi tắt là Cơ quan kiểm tra):

- Nơi doanh nghiệp đăng ký kinh doanh (hoặc nơi đặt văn phòng đại diện, chi nhánh, nhà máy sản xuất);

- Nơi có cửa khẩu được doanh nghiệp nhập khẩu hàng hóa;

- Nơi doanh nghiệp làm thủ tục hải quan đối với lô hàng hóa.

b) Khi đăng ký kiểm tra nhà nước, tổ chức, cá nhân nhập khẩu cung cấp hồ sơ, tài liệu theo quy định của pháp luật về kiểm tra nhà nước đối với chất lượng hàng hóa nhập khẩu.

c) Hàng hóa vật liệu xây dựng có mức độ rủi ro cao phải đăng ký kiểm tra nhà nước trên Cổng thông tin một cửa quốc gia.

2. Việc kiểm tra nhà nước về chất lượng được thực hiện theo mức độ rủi ro đối với từng loại sản phẩm, hàng hóa.

hóa nhập khẩu (nếu có); chứng chỉ chất lượng của nước xuất khẩu (giấy chứng nhận chất lượng, kết quả thử nghiệm) (nếu có); giấy chứng nhận xuất xứ (nếu có), ảnh hoặc bản mô tả hàng hóa có các nội dung bắt buộc phải thể hiện trên nhãn hàng hóa và nhãn phụ (nếu nhãn chính chưa đủ nội dung theo quy định); chứng nhận lưu hành tự do CFS (nếu có).

c) Đối với hàng hóa vật liệu xây dựng nhập khẩu áp dụng kiểm tra nhà nước về chất lượng trước khi thông quan: Người nhập khẩu thực hiện theo điểm 2c khoản 3 Điều 1 Nghị định số 74/2018/NĐ-CP, nộp bản sao y bản chính (có ký tên và đóng dấu của người nhập khẩu) Giấy chứng nhận hợp quy và Thông báo kết quả kiểm tra chất lượng hàng hóa nhập khẩu của Cơ quan kiểm tra cho Cơ quan hải quan để được phép thông quan hàng hóa.

d) Đối với hàng hóa vật liệu xây dựng nhập khẩu áp dụng kiểm tra nhà nước về chất lượng sau khi thông quan: Người nhập khẩu thực hiện theo điểm 2b khoản 3 Điều 1 Nghị định số 74/2018/NĐ-CP, nộp bản đăng ký có xác nhận của Cơ quan kiểm tra cho Cơ quan hải quan để được phép thông quan hàng hóa. Trong thời hạn 15 ngày làm việc (riêng đối với nhóm sản phẩm xi măng, phụ gia cho xi măng, bê tông và vữa là 35 ngày) kể từ ngày thông quan hàng hóa, người nhập khẩu phải nộp bản sao y bản chính (có ký tên và đóng dấu của người nhập khẩu) Giấy chứng nhận hợp quy và kết quả kiểm tra chất

3. Việc thừa nhận kết quả đánh giá sự phù hợp của tổ chức nước ngoài thực hiện theo quy định của pháp luật Việt Nam và điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

4. Áp dụng biện pháp miễn, giảm kiểm tra theo quy định tại Điều 86 Nghị định số 37/2026/NĐ-CP ngày 23/01/2026 của Chính phủ

5. Việc xử lý các hành vi vi phạm tại khoản 2 Điều này thực hiện theo quy định của pháp luật.

lượng hàng hóa (được thực hiện bởi tổ chức chứng nhận hợp quy và tổ chức thử nghiệm đã có tên trong bản đăng ký) nộp cho Cơ quan kiểm tra.

đ) Trường hợp hàng hóa vật liệu xây dựng đã được Tổ chức chứng nhận đánh giá tại nước xuất khẩu, trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày thông quan, người nhập khẩu phải nộp bản sao y bản chính (có ký tên và đóng dấu của người nhập khẩu) Giấy chứng nhận hợp quy cho Cơ quan kiểm tra.

e) Trường hợp người nhập khẩu thực hiện đăng ký kiểm tra chất lượng hàng hóa vật liệu xây dựng trên Cổng thông tin một cửa quốc gia thì thực hiện đăng ký kiểm tra và trả kết quả kiểm tra chất lượng thông qua Cổng thông tin một cửa quốc gia.

3. Đối với hàng hóa vật liệu xây dựng nhóm 2, Cơ quan kiểm tra áp dụng biện pháp kiểm tra trước khi thông quan hoặc sau khi thông quan theo Phụ lục II Thông tư này. Đối với hàng hóa kiểm tra trước khi thông quan, căn cứ để kiểm tra nhà nước dựa trên kết quả chứng nhận của tổ chức chứng nhận được chỉ định. Đối với hàng hóa kiểm tra sau khi thông quan, căn cứ để kiểm tra nhà nước dựa trên kết quả chứng nhận của tổ chức chứng nhận đã đăng ký hoặc được thừa nhận theo quy định pháp luật.

4. Áp dụng biện pháp miễn giảm kiểm tra chất lượng hàng hóa vật liệu xây dựng nhập khẩu theo quy định tại khoản 3 Điều 1 Nghị định

<p>74/2018/NĐ-CP và khoản 3 Điều 4 Nghị định 154/2018/NĐ-CP.</p> <p>5. Quy định về xử lý hồ sơ nhập khẩu và chất lượng hàng hóa vật liệu xây dựng nhập khẩu không phù hợp quy chuẩn kỹ thuật thực hiện theo khoản 3 Điều 6, Điều 9 Thông tư số 06/2020/TT-BKHCN.</p>		
<p>Điều 9. Quản lý chất lượng hàng hoá vật liệu xây dựng lưu thông trên thị trường</p> <p>Việc quản lý chất lượng hàng hoá vật liệu xây dựng lưu thông trên thị trường thực hiện theo quy định tại Mục 5 Chương III Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa; Mục 4 Chương II Nghị định số 132/2008/NĐ-CP; khoản 2 Điều 10 Chương III Nghị định số 09/2021/NĐ-CP và Thông tư số 01/2024/TT-BKHCN ngày 18 tháng 01 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định kiểm tra nhà nước về chất lượng hàng hóa lưu thông trên thị trường.</p>	<p>Điều 8. Quản lý chất lượng hàng hóa vật liệu xây dựng lưu thông trên thị trường</p> <p>Việc quản lý chất lượng hàng hóa vật liệu xây dựng lưu thông trên thị trường thực hiện <i>theo cơ chế hậu kiểm trên cơ sở phân tích mức độ rủi ro theo quy định của pháp luật.</i></p>	<p>Làm rõ phương thức quản lý chất lượng hàng hóa vật liệu xây dựng lưu thông trên thị trường theo cơ chế hậu kiểm.</p>
<p>Điều 10. Quản lý chất lượng hàng hoá vật liệu xây dựng trong quá trình sử dụng</p> <p>Việc quản lý chất lượng hàng hoá vật liệu xây dựng trong quá trình sử dụng thực hiện theo quy định tại Mục 6 Chương III Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa; Mục 5 Chương II Nghị định số 132/2008/NĐ-CP và khoản 1 Điều 7 Chương III Nghị định số 09/2021/NĐ-CP.</p>	<p>Điều 9. Quản lý chất lượng hàng hóa vật liệu xây dựng trong quá trình sử dụng</p> <p>1. Việc quản lý chất lượng hàng hóa vật liệu xây dựng trong quá trình sử dụng thực hiện theo quy định của pháp luật về xây dựng và pháp luật về chất lượng sản phẩm, hàng hóa.</p> <p>2. <i>Chủ đầu tư, nhà thầu, tổ chức, cá nhân sử dụng vật liệu xây dựng trong công trình xây dựng có trách nhiệm lựa chọn, sử dụng sản phẩm, hàng hóa phù hợp với tiêu chuẩn, quy</i></p>	<p>Cụ thể hóa trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân trong quá trình sử dụng vật liệu xây dựng.</p>

	<i>chuẩn kỹ thuật áp dụng và bảo đảm yêu cầu về an toàn, chất lượng công trình.</i>	
Chương III QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG HỢP CHUẨN, HỢP QUY SẢN PHẨM, HÀNG HÓA VẬT LIỆU XÂY DỰNG	CHƯƠNG III QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG HỢP CHUẨN, HỢP QUY SẢN PHẨM, HÀNG HÓA VẬT LIỆU XÂY DỰNG	Giữ nguyên
<p>Điều 11. Công bố hợp chuẩn</p> <p>1. Đối tượng công bố hợp chuẩn là sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng.</p> <p>2. Tổ chức, cá nhân công bố sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng phù hợp với tiêu chuẩn tương ứng dựa trên kết quả chứng nhận hợp chuẩn do tổ chức chứng nhận sự phù hợp thực hiện hoặc kết quả tự đánh giá sự phù hợp của mình.</p> <p>3. Tổ chức, cá nhân công bố hợp chuẩn phải đăng ký bản công bố hợp chuẩn tại Cơ quan kiểm tra.</p>	<p>Điều 10. Công bố hợp chuẩn</p> <p>1. Đối tượng công bố hợp chuẩn là sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng.</p> <p>2. Tổ chức, cá nhân công bố sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng phù hợp với tiêu chuẩn tương ứng trên cơ sở kết quả chứng nhận hợp chuẩn của tổ chức chứng nhận sự phù hợp hoặc kết quả tự đánh giá sự phù hợp theo quy định của pháp luật.</p> <p>3. Tổ chức, cá nhân công bố hợp chuẩn thực hiện đăng ký bản công bố hợp chuẩn theo quy định của pháp luật về công bố hợp chuẩn tại Cơ quan kiểm tra.</p>	Sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với pháp luật hiện hành.
<p>Điều 12. Công bố hợp quy</p> <p>1. Đối tượng của công bố hợp quy là sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng nhóm 2 được quy định trong quy chuẩn kỹ thuật quốc gia do Bộ Xây dựng ban hành và phụ lục II Thông tư này.</p> <p>2. Việc công bố hợp quy dựa trên một trong các biện pháp sau:</p>	<p>Điều 11. Công bố hợp quy</p> <p>1. Đối tượng của công bố hợp quy là sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng <i>có mức độ rủi ro trung bình và mức độ rủi ro cao</i> được quy định trong quy chuẩn kỹ thuật quốc gia do Bộ Xây dựng ban hành và Phụ lục I và Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này.</p> <p>2. Cơ sở để thực hiện việc công bố hợp quy:</p>	Sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với pháp luật hiện hành.

<p>a) Kết quả chứng nhận của tổ chức chứng nhận đã đăng ký lĩnh vực hoạt động hoặc được thừa nhận theo quy định của pháp luật.</p> <p>b) Kết quả chứng nhận, giám định của tổ chức chứng nhận, tổ chức giám định được Bộ Xây dựng chỉ định.</p> <p>3. Trong trường hợp sử dụng kết quả đánh giá sự phù hợp của tổ chức chứng nhận hợp quy và tổ chức thử nghiệm nước ngoài, các tổ chức này phải được thừa nhận theo quy định của pháp luật Việt Nam hoặc được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền chỉ định.</p> <p>4. Các sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng sản xuất trong nước phải được công bố hợp quy tại Cơ quan kiểm tra nơi đăng ký kinh doanh dựa trên Kết quả chứng nhận của Tổ chức chứng nhận đã đăng ký hoặc tổ chức được thừa nhận, được chỉ định theo quy định của pháp luật. Hồ sơ, trình tự, thủ tục công bố hợp quy thực hiện theo quy định tại Điều 14, Điều 15 Thông tư số 28/2012/TT-BKHCN, được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 02/2017/TT-BKHCN và Thông tư số 06/2020/TT-BKHCN.</p>	<p>a) Kết quả chứng nhận của tổ chức chứng nhận đã được công nhận, được chỉ định hoặc được thừa nhận theo quy định của pháp luật (<i>áp dụng cho sản phẩm hàng hóa vật liệu xây dựng có mức độ rủi ro trung bình</i>).</p> <p>b) Kết quả chứng nhận, giám định của tổ chức chứng nhận, tổ chức giám định được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chỉ định <i>theo quy định của pháp luật (áp dụng cho sản phẩm hàng hóa vật liệu xây dựng có mức độ rủi ro cao)</i>.</p> <p>3. Trường hợp sử dụng kết quả đánh giá sự phù hợp của tổ chức chứng nhận, tổ chức thử nghiệm nước ngoài thì các tổ chức này phải được thừa nhận theo quy định của pháp luật Việt Nam hoặc điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.</p> <p>4. Hồ sơ, trình tự, thủ tục công bố hợp quy thực hiện theo Nghị định số 37/2026/NĐ-CP và hướng dẫn của Bộ Khoa học và Công nghệ.</p>	
<p>Điều 13. Chứng nhận hợp quy</p> <p>1. Việc đánh giá hợp quy các sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng nhóm 2 được thực hiện theo một trong ba phương thức: Phương thức 1, Phương thức 5, Phương thức 7 (quy định tại Thông tư số 28/2012/TT-BKHCN), cụ thể tại Phụ lục II Thông tư này.</p>	<p>Điều 12. Chứng nhận hợp quy</p> <p>1. Việc đánh giá hợp quy đối với sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng <i>có mức độ rủi ro cao</i> được thực hiện theo phương thức đánh giá sự phù hợp tương ứng quy định tại quy chuẩn</p>	<p>Sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với pháp luật hiện hành.</p>

<p>2. Phương pháp lấy mẫu, quy cách và số lượng mẫu để thử nghiệm đánh giá.</p> <p>a) Phương pháp lấy mẫu điển hình, mẫu đại diện tuân theo các quy định nêu trong tiêu chuẩn quốc gia hiện hành về phương pháp lấy mẫu và chuẩn bị mẫu thử đối với sản phẩm tương ứng.</p> <p>b) Quy cách và số lượng mẫu điển hình, mẫu đại diện cho mỗi lô sản phẩm, hàng hóa tuân theo quy định trong Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về sản phẩm, hàng hoá vật liệu xây dựng.</p> <p>c) Đối với hàng hóa vật liệu xây dựng nhập khẩu không đúng quy cách quy định, người nhập khẩu có trách nhiệm phối hợp với tổ chức chứng nhận làm việc với đơn vị sản xuất và xuất khẩu tại nước ngoài để gửi mẫu đảm bảo tính đại diện cho lô hàng hóa nhập khẩu phục vụ cho công tác chứng nhận chất lượng theo quy định. Số lượng mẫu phải đủ cho công tác thử nghiệm và lưu mẫu theo quy định.</p>	<p>kỹ thuật quốc gia và Phụ lục I, Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này.</p> <p>2. Phương pháp lấy mẫu, quy cách và số lượng mẫu để thử nghiệm đánh giá.</p> <p>a) Phương pháp lấy mẫu điển hình, mẫu đại diện thực hiện theo tiêu chuẩn quốc gia, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia tương ứng.</p> <p>b) Quy cách và số lượng mẫu thực hiện theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia tương ứng.</p> <p>c) Đối với hàng hóa vật liệu xây dựng nhập khẩu, việc lấy mẫu phục vụ chứng nhận hợp quy thực hiện theo quy định của pháp luật và thỏa thuận với nhà sản xuất, xuất khẩu nhập khẩu.</p>	
<p>Điều 14. Tổ chức đánh giá sự phù hợp và tổ chức giám định tư pháp về chất lượng sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng</p> <p>1. Tổ chức đánh giá sự phù hợp thực hiện việc đăng ký lĩnh vực hoạt động đánh giá sự phù hợp đối với sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng theo quy định tại Nghị định số 107/2016/NĐ-CP.</p> <p>2. Tổ chức đánh giá sự phù hợp được Bộ Xây dựng đánh giá và chỉ định thực hiện theo quy định khoản 8 Điều 1 Nghị định số 74/2018/NĐ-</p>	<p>Điều 13. Tổ chức đánh giá sự phù hợp và tổ chức giám định tư pháp về chất lượng sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng</p> <p>1. <i>Phải đáp ứng điều kiện hoạt động theo quy định của pháp luật.</i></p> <p>2. <i>Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của kết quả đánh giá, giám định.</i></p>	<p>Sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với quy định hiện hành, làm rõ trách nhiệm của các tổ chức đánh giá sự phù hợp và tổ chức giám định tư pháp.</p>

<p>CP và khoản 4, 5, 6 và 7 Điều 4 Nghị định số 154/2018/NĐ-CP.</p> <p>3. Tổ chức đánh giá sự phù hợp đã đăng ký lĩnh vực hoạt động hoặc được Bộ Xây dựng chỉ định phải tuân thủ các quy định về hoạt động đánh giá sự phù hợp và chịu sự kiểm tra, giám sát của Bộ Xây dựng. Danh sách tổ chức đánh giá sự phù hợp đã đăng ký lĩnh vực hoạt động và Danh sách tổ chức đánh giá sự phù hợp được Bộ Xây dựng chỉ định được đăng tải trên trang thông tin điện tử của Bộ Xây dựng.</p> <p>4. Các tổ chức đánh giá sự phù hợp tại nước ngoài thực hiện công tác chứng nhận, thử nghiệm các sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng theo quy định của pháp luật sẽ được Bộ Xây dựng xem xét, thừa nhận khi Thỏa thuận thừa nhận lẫn nhau được ký kết.</p> <p>5. Tổ chức giám định tư pháp về chất lượng sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng thực hiện theo quy định tại Thông tư số 17/2021/TT-BXD ngày 22 tháng 12 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định một số nội dung về hoạt động giám định tư pháp trong lĩnh vực xây dựng và các quy định tại Thông tư này.</p>	<p><i>3. Thực hiện chế độ báo cáo, lưu trữ hồ sơ và chịu sự kiểm tra, giám sát của cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.</i></p>	
<p>Chương IV TỔ CHỨC THỰC HIỆN</p>	<p>Chương IV TRÁCH NHIỆM QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC</p>	
<p>Điều 15. Trách nhiệm của Bộ Xây dựng</p>	<p>Điều 14. Trách nhiệm của Bộ Xây dựng</p>	<p>Bổ sung làm rõ trách nhiệm của Bộ Xây dựng theo quy định của pháp luật hiện hành.</p>

<p>1. Hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện Thông tư này.</p> <p>2. Cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm; giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chứng nhận và cấp Quyết định chỉ định tổ chức đánh giá sự phù hợp về chất lượng sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng và kiểm tra, giám sát, xử lý các vi phạm trong hoạt động của các tổ chức này.</p>	<p>1. Hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện Thông tư này.</p> <p>2. Thực hiện việc cấp, gia hạn, điều chỉnh, thu hồi, hủy bỏ quyết định chỉ định tổ chức đánh giá sự phù hợp về chất lượng sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng.</p> <p>3. Ban hành, sửa đổi, bổ sung quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vật liệu xây dựng.</p> <p>4. Công bố, cập nhật danh mục sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng thuộc nhóm rủi ro cao.</p> <p>5. Tổ chức thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm trong lĩnh vực chất lượng vật liệu xây dựng theo thẩm quyền.</p> <p>6. Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành liên quan xây dựng, vận hành và khai thác hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu phục vụ quản lý chất lượng vật liệu xây dựng.</p>	
<p>Điều 16. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương</p> <p>1. Phân công trách nhiệm và giao nhiệm vụ cho Cơ quan kiểm tra nhà nước về chất lượng sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng tại địa phương.</p> <p>2. Tổ chức thực hiện việc tiếp nhận hồ sơ đăng ký và quản lý hồ sơ công bố hợp quy; hủy bỏ, đình chỉ kết quả tiếp nhận hồ sơ công bố hợp quy của tổ chức, cá nhân đối với sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng được sản xuất trong nước. Tổ chức thực hiện việc tiếp nhận, xử lý hồ sơ đăng</p>	<p>Điều 16. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương</p> <p>1. Tổ chức thực hiện kiểm tra nhà nước về chất lượng sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng tại địa phương theo phân cấp.</p> <p>2. Thực hiện việc cấp, gia hạn, điều chỉnh, thu hồi, hủy bỏ giấy chứng nhận đăng ký hoạt động đánh giá sự phù hợp của tổ chức đánh giá sự phù hợp về chất lượng sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng.</p>	<p>Bổ sung làm rõ trách nhiệm của các địa phương theo quy định của pháp luật hiện hành.</p>

ký kiểm tra nhà nước đối với hàng hóa vật liệu xây dựng nhập khẩu.

3. Tổ chức thực hiện việc tiếp nhận, xác nhận hoặc từ chối bằng văn bản về hồ sơ miễn giảm kiểm tra chất lượng, hàng hóa vật liệu xây dựng nhập khẩu của các tổ chức, cá nhân; thông báo bằng văn bản việc dừng áp dụng chế độ miễn giảm kiểm tra theo quy định tại khoản 3 Điều 4 Nghị định số 154/2018/NĐ-CP.

4. Tổ chức thực hiện việc quản lý, kiểm tra các hoạt động chứng nhận hợp quy, công bố hợp quy đối với sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng trên địa bàn. Phối hợp với các cơ quan kiểm tra địa phương tại các cửa khẩu để kiểm tra việc thực hiện công tác đăng ký kiểm tra nhà nước và đánh giá sự phù hợp về chất lượng đối với hàng hóa vật liệu xây dựng nhập khẩu.

5. Tổng hợp tình hình hoạt động chứng nhận hợp quy, công bố hợp quy, kết quả kiểm tra nhà nước đối với sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng; tình hình miễn giảm kiểm tra hàng hóa vật liệu xây dựng nhập khẩu và gửi báo cáo về Bộ Xây dựng trước ngày 25 tháng 12 hằng năm hoặc đột xuất theo yêu cầu của Bộ Xây dựng. Nội dung báo cáo thực hiện theo Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư này.

6. Tổ chức kiểm tra và xử lý vi phạm việc tuân thủ các quy định về quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng trên địa bàn.

3. Tổ chức tiếp nhận, quản lý hồ sơ công bố hợp quy; thực hiện việc đình chỉ, hủy bỏ hiệu lực công bố hợp quy theo quy định của pháp luật; tiếp nhận, xử lý hồ sơ đăng ký kiểm tra nhà nước đối với hàng hóa vật liệu xây dựng nhập khẩu theo cơ chế quản lý rủi ro.

4. Thực hiện tiếp nhận, xác nhận hoặc từ chối hồ sơ miễn, giảm kiểm tra chất lượng hàng hóa vật liệu xây dựng nhập khẩu; thông báo việc dừng áp dụng chế độ miễn, giảm kiểm tra theo quy định của pháp luật

5. Thực hiện quản lý, kiểm tra hoạt động chứng nhận hợp quy, công bố hợp quy đối với sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng trên địa bàn; phối hợp với cơ quan hải quan và các cơ quan liên quan trong kiểm tra chất lượng hàng hóa vật liệu xây dựng nhập khẩu.

6. Tổng hợp, báo cáo tình hình quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng trên địa bàn theo định kỳ hằng năm hoặc đột xuất theo yêu cầu của Bộ Xây dựng; nội dung, hình thức báo cáo thực hiện theo Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư này.

7. Tổ chức kiểm tra, xử lý vi phạm trong quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng trên địa bàn theo thẩm quyền.

<p>Điều 17. Trách nhiệm của tổ chức đánh giá sự phù hợp và tổ chức giám định tư pháp về chất lượng sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng</p> <p>1. Thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Thông tư này; các quy định pháp luật về chất lượng sản phẩm, hàng hóa và các quy định pháp luật liên quan.</p> <p>2. Trước ngày 15 tháng 12 hằng năm hoặc đột xuất khi có yêu cầu, báo cáo cơ quan kiểm tra tại địa phương (nơi tổ chức có hoạt động đánh giá sự phù hợp) và Bộ Xây dựng về hoạt động đánh giá sự phù hợp theo quy định tại Mẫu số 11 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 74/2018/NĐ-CP.</p> <p>3. Thông báo cho Bộ Xây dựng về mọi thay đổi có ảnh hưởng tới năng lực hoạt động đánh giá sự phù hợp về chất lượng sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng đã đăng ký hoặc được chỉ định trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày có sự thay đổi.</p>	<p>Điều 16. Trách nhiệm của tổ chức đánh giá sự phù hợp và tổ chức giám định tư pháp về chất lượng sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng</p> <p>1. Tuân thủ đầy đủ quy định của pháp luật về chất lượng sản phẩm, hàng hóa, pháp luật có liên quan và quy định tại Thông tư này.</p> <p>2. Thực hiện chế độ báo cáo trước ngày 15 tháng 12 hằng năm hoặc đột xuất khi có yêu cầu về hoạt động đánh giá sự phù hợp theo quy định của pháp luật; nội dung, hình thức báo cáo thực hiện theo hướng dẫn của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.</p> <p>3. Thông báo kịp thời cho cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền về mọi thay đổi có ảnh hưởng đến năng lực hoạt động đánh giá sự phù hợp trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày có sự thay đổi.</p>	<p>Bổ sung trách nhiệm báo cáo của các tổ chức đánh giá sự phù hợp và tổ chức giám định tư pháp để tăng cường công tác quản lý nhà nước trong lĩnh vực này.</p>
<p style="text-align: center;">Chương V ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH</p>	<p style="text-align: center;">Chương V ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH</p>	
<p>Điều 18. Sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN16:2023/BXD được ban hành kèm theo Thông tư số 04/2023/TT-BXD ngày 30/6/2023 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng.</p>		

<p>1. Bãi bỏ mục 1.4.3 thuộc Phần 1 và Phần 3, Phần 4, Phần 5 của Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN16:2023/BXD.</p> <p>2. Tên sản phẩm, hàng hóa và mã HS tại Phụ lục II Thông tư này thay thế cho tên sản phẩm và mã HS tại Bảng 1 - Danh mục sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng của Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN16:2023/BXD.</p>		
<p>Điều 19. Hiệu lực thi hành</p> <p>1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 16 tháng 12 năm 2024.</p>	<p>Điều 17. Hiệu lực thi hành</p> <p>1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2026.</p> <p>2. Bãi bỏ toàn bộ Thông tư số 10/2024/TT-BXD kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực.</p>	
<p>Điều 20. Điều khoản chuyển tiếp</p> <p>1. Đối với các tổ chức, cá nhân sản xuất, nhập khẩu hàng hóa vật liệu xây dựng đã được cấp Giấy chứng nhận hợp quy phù hợp Quy chuẩn kỹ thuật QCVN16:2023/BXD và Giấy chứng nhận còn hiệu lực thì được phép sử dụng Giấy chứng nhận hợp quy và dấu hợp quy cho đến khi hết hiệu lực của Giấy chứng nhận đó.</p> <p>2. Đối với các lô hàng hóa vật liệu xây dựng đã hoàn thành thủ tục xuất khẩu tại các nước xuất khẩu (để nhập khẩu vào Việt Nam) trước ngày Thông tư này có hiệu lực thì được áp dụng theo các quy định trước đây.</p>	<p>Điều 18. Điều khoản chuyển tiếp</p> <p>Đối với các tổ chức, cá nhân sản xuất, nhập khẩu hàng hóa vật liệu xây dựng đã được cấp Giấy chứng nhận hợp quy phù hợp Quy chuẩn kỹ thuật QCVN16:2023/BXD và Giấy chứng nhận còn hiệu lực thì được phép sử dụng Giấy chứng nhận hợp quy và dấu hợp quy cho đến khi hết hiệu lực của Giấy chứng nhận đó.</p>	
<p>Điều 21. Trách nhiệm thi hành</p>	<p>Điều 19. Trách nhiệm thi hành</p>	

<p>1. Các cơ quan quản lý nhà nước, các tổ chức cá nhân sản xuất, kinh doanh, nhập khẩu, sử dụng sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng; các tổ chức đánh giá sự phù hợp và các tổ chức giám định tư pháp về chất lượng sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.</p> <p>2. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được viện dẫn trong Thông tư này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo văn bản mới.</p>	<p>1. Các cơ quan quản lý nhà nước; tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh, xuất khẩu, nhập khẩu, sử dụng sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng; tổ chức đánh giá sự phù hợp; tổ chức giám định tư pháp về chất lượng sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.</p> <p>2. Trường hợp văn bản quy phạm pháp luật được viện dẫn trong Thông tư này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo văn bản mới.</p>	
---	---	--